SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA H. BA VÌ
Số: 1339 /TB-BVĐKBV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ba Vì, ngày 11 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

Đối tượng hưởng, mức hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề theo quy định tại Nghị định 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/NĐ-CP ngày 04/07/2011 đối với viên chức công tác tại Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì

Kính gửi: Các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện

Căn cứ Nghị định 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập; Căn cứ Văn bản số 3102/BYT-TCCB ngày 23/5/2023 của Bộ Y tế về việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề tại Nghị định 05/2023/NĐ-CP.

Thực hiện Công văn số 2407/SYT-TCCB ngày 31/5/2023 của Sở Y tế Hà Nội về việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề tại Nghị định số 05/2023/NĐ-CP. Bệnh viện đã triển khai đến toàn thể viên chức, người lao động và thực hiện rà soát, báo cáo Sở Y tế Hà Nội phê duyệt danh sách, đối tượng hưởng, mức hưởng phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP theo đúng quy định.

Ngày 20/11/2023, Sở Y tế Hà Nội đã có Quyết định số 5188/QĐ-SYT về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ.

Để đảm bảo quyền lợi cho viên chức, Bệnh viện thông báo về đối tượng hưởng, mức hưởng ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Tổng số viên chức, người lao động hưởng ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023 là **297** người.

- Tổng số tiền chi cho viên chức, người lao động hưởng ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023 là: **18.082.420.000** đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ không trăm tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

(có danh sách và mức hưởng của từng viên chức chi tiết kèm theo)

Nhằm thực hiện việc chi trả phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP cho viên chức, người lao động đúng đối tượng, mức hưởng, Bệnh viện yêu cầu Trưởng các khoa, phòng trực thuộc thông báo tới toàn thể viên chức, người lao động tại khoa, phòng mình được biết và thực hiện.

Nếu có ý kiến khác, phát hiện mới hoặc chưa đồng ý,... đề nghị các khoa, phòng tổng hợp và phản ánh bằng văn bản về Phòng Tổ chức hành chính trước 16 giờ 30 phút ngày 15/12/2023 (thứ Sáu) để tổng hợp trình Ban Giám đốc Bệnh viện và các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Nếu đồng ý với đối tượng hưởng, mức hưởng theo danh sách kèm thông báo này, đề nghị từng cá nhân ký xác nhận thông tin theo mẫu để Bệnh viện làm căn cứ thực hiện.

Sau thời hạn quy định như trên, nếu các khoa, phòng không có ý kiến phản ánh được coi là đã đồng ý với những nội dung trong danh sách, Bệnh viện sẽ thực hiện chi trả theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Ban Giám đốc BV;
- Như đề gửi;
- BCH Công đoàn cơ sở;
- Tổ CNTT (để đăng công khai);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BA VÌ

Phạm Bá Hiền

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA H. BA VÌ

TỔNG HỢP PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 05/2023/NĐ-CP NGÀY 15/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Thông báo số 1539 /BVĐKBV ngày 11 /12/2023 của Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì)

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1.49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
1	**Danh sách đủ điều kiện hưởng ưu đãi nghề theo Nghị định 05**		912,910	899,050	13,860	11,190	2,670	269,200	825,633	603,000	1.846,962	333,800	1.521,780	3.145,000	7.979,225	1.626,000	1.623,00	9.427,525	17.406,750
1	Trần Hữu Hà	Chẩn đoán hình ảnh	5,48	4,98	0,50	0,50	-	40%	2,19	100%	5,48	60%	4,90	12	58,79	6	6	64,91	123,69
2	Phùng Thị Thu		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ T1-T5/2022 = 5 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	5	11,00			-	11,00
	Nghỉ thai sản từ T6-T11/2022, Nâng lương theo TTLT từ T9/2022: Hưởng từ T12/2022 đến tháng 06/2023 = 13 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	1	2,43	6	6	32,22	34,65
3	Vũ Văn Tuyền: Từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023 = 24 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	4,32	4,32	-		-	40%	1,73	100%	4,32	60%	3,86	12	46,34	6	6	51,17	97,51
4	Khuất Văn Dục		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01 đến tháng 2/2022 = 02 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	5,23	4,98	0,25		0,25	40%	2,09	100%	5,23	60%	4,67	2	9,35			-	9,35
	Từ tháng 03/2022 đến tháng 02/2023 = 12 tháng. (nâng PCTN vượt khung)	Chẩn đoán hình ảnh	5,28	4,98	0,30		0,30	40%	2,11	100%	5,28	60%	4,72	10	47,19	2		9,44	56,63
	Từ tháng 03/2023 đến tháng 11/2023 = 10 tháng(nâng PCTNVK)	Chẩn đoán hình ảnh	5,33	4,98	0,35		0,35	40%	2,13	100%	5,33	60%	4,76		-	4	4	42,07	42,07
5	Nguyễn Ngọc Thành		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ T1 đến 15/9/2022 = 8.5 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27	8,5	27,81			-	27,81
	Từ 15/9/2022 đến 02/2023 tăng phụ cấp chức vụ = 5,5 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	4,06	3,66	0,40	0,40	-	40%	1,62	100%	4,06	60%	3,63	5,5	19,96			-	19,96
	Tháng 03/2023 nâng lương - trừ đi học T12/2023	Chẩn đoán hình ảnh	4,39	3,99	0,40	0,40	-	40%	1,76	100%	4,39	60%	3,92		-	4	5	39,40	39,40
6	Phan Tiến Lãng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 7 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	7	14,64			-	14,64
	Từ Tháng 08/2022 đến 11/2023 nâng lương = 17 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	5	11,93	6	6	31,62	43,56
7	Lê Văn Linh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2022= 7 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	7	17,90			-	17,90
	Từ thaang 8/2022 đến T12/2023 hưởng lương theo TT03 = 17 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	5	14,93	6	6	39,56	54,49
8	Lê Thị Thu Hằng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ T01/2022- T6/2023 = 18 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	12	35,72	6		17,86	53,59
	Từ T7/2023= 01 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-		1	3,60	3,60
	Từ T8/2023 nâng lương = 05 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-		5	19,76	19,76
9	Nguyễn Duy Kỳ		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ T1-T6/2022 = 6 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
10	Đỗ Thị Ngọc Thu		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ T1/2022 đến T8/2022 = 8 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,70	2,70	-		-	40%	1,08	100%	2,70	60%	2,41	8	19,31			-	19,31
	Từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	4	10,84	6	6	35,89	46,72
11	Lê Tiến Dũng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ T1 đến T8/2022 = 8 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,70	2,70	-		-	40%	1,08	100%	2,70	60%	2,41	8	19,31			-	19,31
	Từ tháng 09/2022 nâng lương, nghỉ không lương T4+5+6/2023 = 13 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	4	10,84	3	6	27,76	38,60
12	Trần Thanh Tùng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	12	25,10	6		12,55	37,66
	Từ tháng 07/2023 đến tháng 12/2023 nâng lương = 6 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39		-		6	17,30	17,30
13	Hà Thị Vui		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ T01/2022 đến T08/2022 = 8 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,70	2,70	-		-	40%	1,08	100%	2,70	60%	2,41	8	19,31			-	19,31

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tăng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2023 nâng lương theo TT03 = 16 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	4	10,84	6	6	35,89	46,72
14	Vũ Xuân Thắng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ T01/2022 đến T01/2023 = 13 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	12	34,97	1		2,91	37,89
	Từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023 thăng hạng viên chức = 11 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-	5	6	36,46	36,46
15	Nguyễn Thị Nguyệt		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	8	17,59			-	17,59
	Từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2023 nâng lương theo TT03 = 16 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
16	Phùng Đức Linh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	6	14,32			-	14,32
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 nâng lương = 18 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	6	16,09	6	6	35,53	51,62
17	Phùng Thị Chà Giang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
18	Lê Hồng Thắm		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011 /NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
19	Phùng Kim Thịnh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Chẩn đoán hình ảnh	2,06	2,06	-		-	40%	0,82	100%	2,06	60%	1,84	12	22,10	6		11,05	33,15
	Từ tháng 07/2023 hưởng lương theo TT03	Chẩn đoán hình ảnh	2,41	2,41	-		-	40%	0,96	100%	2,41	60%	2,15		-		6	15,62	15,62
20	Lê Ngọc Cương từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023 = 24 tháng	Liên CK	4,90	4,40	0,50	0,50	-	40%	1,96	100%	4,90	60%	4,38	12	52,57	6	6	58,04	110,60
21	Lăng Thị Thu Huyền		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 5 tháng	Liên CK	4,39	3,99	0,40	0,40	-	40%	1,76	100%	4,39	60%	3,92	5	19,62			-	19,62
	Tháng 06/2022 đến tháng 12/2023 nâng lương = 19 tháng	Liên CK	4,72	4,32	0,40	0,40	-	40%	1,89	100%	4,72	60%	4,22	7	29,54	6	6	55,90	85,44
22	Nguyễn Thị Thúy		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Nghỉ không lương tháng 9+10/2022; Nghỉ thai sản tháng 5+6+7+8+9+10/2023 = 16 tháng	Liên CK	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	10	29,77	4	2	19,10	48,87
23	Phùng Thị Phương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022 = 4 tháng	Liên CK	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	4	10,73			-	10,73
	Tháng 05/2022 đến tháng 12/2023 nâng lương = 20 tháng	Liên CK	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	8	23,82	6	6	39,44	63,26
24	Lê Văn Lâm từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023	Liên CK	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	6	35,53	67,72
25	Đàm Văn Minh từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng (Trừ đi học từ T5/2022 đến T10/2022)	Liên CK	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	6	16,09	6	6	35,53	51,62
26	Chu Tùng Ba		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1.49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01 đến tháng 03/2023 = 15 tháng	Liên CK	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	3		8,05	40,23
	Từ T4/2023 đến tháng 12/2023 nâng lương	Liên CK	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-	3	6	30,51	30,51
27	Nguyễn Ngân Hà		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Liên CK	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	12	28,64	6		14,32	42,97
	Từ tháng 07/2023 đến tháng 12/2023 nâng lương = 6 tháng	Liên CK	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68		-		6	19,44	19,44
28	Vũ Thị Vân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 7 tháng	Liên CK	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	7	14,64			-	14,64
	Từ tháng 08/2022 đến tháng 12/2023 nâng lương = 17 tháng	Liên CK	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	5	11,93	6	6	31,62	43,56
29	Tô Thị Thu Hường		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tuyển dụng từ T03/2023; nghỉ thai sản tháng 03/2023 = 9 tháng	Liên CK	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	-	-	3	6	21,44	21,44
30	Lê Thị Thủy		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tháng 01/2022 = 01 tháng	Liên CK	2,26	2,26	-		-	40%	0,90	100%	2,26	60%	2,02	1	2,02			-	2,02
	Từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022 nâng lương = 5 tháng	Liên CK	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	5	11,00			-	11,00
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03	Liên CK	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	6	32,22	46,81
31	Ngô Thị Huệ		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tuừ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Liên CK	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Liên CK	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
32	Nguyễn Thị Bích Thuỷ		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011 /NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 5 tháng	Liên CK	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	5	11,89			-	11,89
	Tháng 06/2022 nâng lương = 01 tháng	Liên CK	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	1	2,56			-	2,56
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Liên CK	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
33	Nguyễn Thị Thu Hằng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Liên CK	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03; nghỉ ốm tháng 11/2022 = 17 tháng	Liên CK	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	5	14,93	6	6	39,56	54,49
34	Lê Thị Hường		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Liên CK	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Liên CK	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
35	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Liên CK	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Liên CK	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
36	Chu Bình Dương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 7 tháng	Liên CK	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	7	17,90			-	17,90
	Từ tháng 08/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 17 tháng	Liên CK	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	5	14,93	6	6	39,56	54,49
37	Phùng Thị Linh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022 = 4 tháng	Liên CK	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	4	8,80			-	8,80
	Từ tháng 05/2022 đến tháng 6/2022 nâng lương = 2 tháng	Liên CK	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	2	4,76			-	4,76

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03	Liên CK	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	6	32,22	46,81
38	Phùng Thị Hồng Hạnh từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023 = 24 tháng	Liên CK	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	6	35,53	67,72
39	Chu Thị Phương Thảo		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 9 tháng	Liên CK	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	9	21,48			-	21,48
	Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023 nâng lương = 15 tháng	Liên CK	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	3	8,05	6	6	35,53	43,58
40	Nguyễn Thị Hoan		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Liên CK	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	8,5	25,30			-	25,30
	Từ 15/9/2022 đến tháng 01/2023 tăng phụ cấp chức vụ = 4.5 tháng	Liên CK	3,73	3,33	0,40	0,40	-	40%	1,49	100%	3,73	60%	3,33	3,5	11,67	1		3,33	15,01
	Từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023 nâng lương	Liên CK	4,06	3,66	0,40	0,40	-	40%	1,62	100%	4,06	60%	3,63		-	5	6	44,46	44,46
41	Ngô Quỳnh Liên		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 9 tháng	Liên CK	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	9	19,79			-	19,79
	Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023 nâng lương = 15 tháng	Liên CK	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	3	7,30	6	6	32,22	39,51
42	Nguyễn Thị Mai		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Liên CK	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	6	9,98			-	9,98
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng - Nghỉ TS= 05 tháng (T8+9+10+11+12/2023)	Liên CK	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	1	13,53	24,80
43	Ngô Sỹ Điệp		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Liên CK	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Liên CK	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
44	Ngô Thị Thơm		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến 15/09/2022 = 8.5 tháng	DDTC	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	8,5	22,80			-	22,80
	Từ 15/09/2022 đến tháng 12/2023 tăng phụ cấp chức vụ và trừ đi học tháng 11+12/2022 = 13.5 tháng	DDTC	3,40	3,00	0,40	0,40	-	40%	1,36	100%	3,40	60%	3,04	1,5	4,56	6	6	40,27	44,83
45	Lê Thị Thu Trang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	(trừ đi học tháng 10+11/12/2022 và tháng 1+3+4+5+6+7+10+11+12/2023)	DDTC	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	9	26,79	1		2,98	29,77
	Tháng 8/2023 = 01 tháng	DDTC	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-		1	3,60	3,60
	Tháng 9/2023 nâng lương	DDTC	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-		1	3,95	3,95
46	Nguyễn Ngọc Hải		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 5 tháng	Dược	6,26	5,76	0,50	0,50	-	40%	2,50	100%	6,26	60%	5,60	5	27,98			-	27,98
	Tháng 06/2022 đến tháng 12/2023 = 19 tháng (nâng lương)	Dược	6,60	6,10	0,50	0,50	-	40%	2,64	100%	6,60	60%	5,90	7	41,30	6	6	78,17	119,47
47	Nguyễn Minh Sinh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Dược	3,40	3,00	0,40	0,40	-	40%	1,36	100%	3,40	60%	3,04	8	24,32			-	24,32
	Từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2023 = 16 tháng (nâng lương)	Dược	3,73	3,33	0,40	0,40	-	40%	1,49	100%	3,73	60%	3,33	4	13,34	6	6	44,18	57,52
48	Đinh Thị Hoa Hồi từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023 = 24 tháng	Dược	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	12	35,72	6	6	39,44	75,16
49	Lê Thu Thuỷ		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Dược	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	12	35,72	6		17,86	53,59
	Tháng 07/2023 = 01 tháng	Dược	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-		1	3,60	3,60
	Từ tháng 08/2023 đến tháng 12/2023 = 5 tháng(nâng lương)	Dược	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-		5	19,76	19,76
50	Chu Thị Nguyệt Minh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Dược	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng (hưởng lương theo TT03)	Dược	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
51	Phùng Thị Thu Hằng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Dược	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Dược	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
52	Nguyễn Thị Hồng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2023 = 13 tháng	Dược	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	1		2,68	34,87
	Từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023 = 11 tháng (nâng lương)	Dược	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-	5	6	36,46	36,46
53	Phùng Minh Ngân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 02 tháng	Dược	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	3	7,67			-	7,67
	Từ tháng 04/2022 đến tháng 06/2022 = 03 tháng nâng lương	Dược	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	3	8,21			-	8,21
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Dược	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
54	Phạm Trọng Hiện		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Dược	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Dược	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
55	Trần Thị Thu Thuỷ		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Dược	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Dược	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
56	Nguyễn Hương Thảo		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Dược	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Dược	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
57	Lê Thị Tân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 4/2022 = 5 tháng	Dược	3,86	3,86	-		-	40%	1,54	100%	3,86	60%	3,45	4	13,80			-	13,80
	Từ tháng 05/2022 đến tháng 12/2023 = 20 tháng nâng lương	Dược	4,06	4,06	-		-	40%	1,62	100%	4,06	60%	3,63	8	29,04	6	6	48,09	77,12
58	Nguyễn Thị Phượng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Dược	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	8	17,59			-	17,59
	Từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03	Dược	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
59	Phùng Mai Quỳnh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 03 tháng ; nghỉ thai sản tháng 4+5+6/2022	Dược	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	3	6,60			-	6,60

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1.49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 và trừ nghỉ thai sản tháng 7+8+9/2022 = 15 tháng	Dược	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	3	7,30	6	6	32,22	39,51
60	Phùng Thị Hằng		-	-	-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 9 tháng	Dược	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	9	19,79			-	19,79
	Từ tháng 10/2022 đến tháng 01/2023 hưởng lương theo TT03 = 4 tháng	Dược	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	3	7,30	1		2,43	9,73
	Từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023 = 11 tháng thăng hạng viên chức	Dược	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68		-	5	6	32,85	32,85
61	Lê Hồng Minh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Dược	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	6	14,27			-	14,27
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 01/2023 hưởng lương theo TT03 = 7 tháng	Dược	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	1		2,71	18,96
	Từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023 thăng hạng viên chức	Dược	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-	5	6	36,46	36,46
62	Vũ Thị Hồng Nhung		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Dược	2,06	2,06	-		-	40%	0,82	100%	2,06	60%	1,84	6	11,05			-	11,05
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Dược	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	6	24,87	36,14
63	Lê Ngọc Hà		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Dược	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	6	9,98			-	9,98
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Dược	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	6	24,87	36,14

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011 /NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
64	Chu Thị Hải Yến từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023 = 24 tháng	Dược	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	12	19,95	6	6	22,03	41,98
65	Đỗ Thị Lý		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Dược	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	6	9,98			-	9,98
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Dược	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	6	24,87	36,14
66	Nguyễn Thị Bích Thủy		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 03 tháng	Dược	2,26	2,26	-		-	40%	0,90	100%	2,26	60%	2,02	3	6,06			-	6,06
	Từ tháng 04/2022 đến tháng 06/2022 = 03 tháng nâng lương	Dược	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	3	6,60			-	6,60
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Dược	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	6	32,22	46,81
67	Nguyễn Tiến Sang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2023 = 17 tháng	Gây mê hồi sức	2,67	2,67	-		-	50%	1,34	100%	2,67	50%	1,99	12	23,87	5		9,95	33,82
	Từ tháng 06/2023 đến tháng 12/2023 = 07 tháng nâng lương	Gây mê hồi sức	3,00	3,00	-		-	50%	1,50	100%	3,00	50%	2,24		-	1	6	18,44	18,44
68	Lê Đình Hoàng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tuyển dụng từ tháng 03/2023 = 10 tháng	Gây mê hồi sức	2,34	2,34	-		-	50%	1,17	100%	2,34	50%	1,74	-	-	4	6	19,61	19,61
69	Nguyễn Thị Thanh Xuân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Gây mê hồi sức	2,86	2,86	-		-	50%	1,43	100%	2,86	50%	2,13	6	12,78			-	12,78
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Gây mê hồi sức	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	6	14,93	6	6	32,97	47,90
70	Nguyễn Thị Điểm		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Gây mê hồi sức	4,55	4,06	0,49		0,49	50%	2,27	100%	4,55	50%	3,39	8	27,10			-	27,10
	Từ tháng 09/2022 = 10 tháng nâng PCTNVK, tháng 01/2023 nghỉ hưu	Gây mê hồi sức	4,59	4,06	0,53		0,53	50%	2,29	100%	4,59	50%	3,42	4	13,67			-	13,67
71	Phùng Thị Hương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 10/2022 = 10 tháng	Gây mê hồi sức	4,43	4,06	0,37		0,37	50%	2,21	100%	4,43	50%	3,30	10	32,97			-	32,97
	Từ tháng 11/2022 đến tháng 10/2023 = 12 tháng nâng PCTNVK	Gây mê hồi sức	4,47	4,06	0,41		0,41	50%	2,23	100%	4,47	50%	3,33	2	6,65	6	4	36,04	42,69
	Từ tháng 11/2023 đến tháng 12/2023 nâng PCTNVK	Gây mê hồi sức	4,51	4,06	0,45		0,45	50%	2,25	100%	4,51	50%	3,36		-		2	8,11	8,11
72	Nguyễn Thị Thu Hương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Gây mê hồi sức	3,33	3,33	-		-	50%	1,67	100%	3,33	50%	2,48	12	29,77	6		14,89	44,66
	Tháng 07/2023 = 01 tháng	Gây mê hồi sức	3,33	3,33	-		-	50%	1,67	100%	3,33	50%	2,48		-		1	3,00	3,00
	Từ tháng 08/2023 đến tháng 12/2023 = 5 tháng nâng lương	Gây mê hồi sức	3,66	3,66	-		-	50%	1,83	100%	3,66	50%	2,73		-		5	16,47	16,47
73	Nguyễn Thị Thanh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Gây mê hồi sức	3,32	3,32	-		-	50%	1,66	100%	3,32	50%	2,47	6	14,84			-	14,84
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Gây mê hồi sức	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	6	14,93	6	6	32,97	47,90
74	Khuất Thị Thanh Hải		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Gây mê hồi sức	3,26	3,26	-		-	50%	1,63	100%	3,26	50%	2,43	6	14,57			-	14,57
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Gây mê hồi sức	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	6	14,93	6	6	32,97	47,90

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
75	Hoàng Văn Thắng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022 = 4 tháng	Gây mê hồi sức	2,46	2,46	-		-	50%	1,23	100%	2,46	50%	1,83	4	7,33			-	7,33
	Từ tháng 05/2022 đến tháng 06/2022 = 02 tháng nâng lương	Gây mê hồi sức	2,66	2,66	-		-	50%	1,33	100%	2,66	50%	1,98	2	3,96			-	3,96
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03	Gây mê hồi sức	2,72	2,72	-		-	50%	1,36	100%	2,72	50%	2,03	6	12,16	6	6	26,85	39,00
76	Nhữ Thị Kim Thi		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng tháng 5+6+7/2022; đi học tháng 1+2+3+4/2022	Gây mê hồi sức	2,86	2,86	-		-	50%	1,43	100%	2,86	50%	2,13	3	6,39			-	6,39
	Từ tháng 08/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 17 tháng	Gây mê hồi sức	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	5	12,44	6	6	32,97	45,41
77	Nguyễn Thị Sang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng tháng 01/2022	Gây mê hồi sức	2,26	2,26	-		-	50%	1,13	100%	2,26	50%	1,68	1	1,68			-	1,68
	Tháng 02/2022 nâng lương; nghỉ thai sản tháng 3+4+5+6+7+8/2022	Gây mê hồi sức	2,46	2,46	-		-	50%	1,23	100%	2,46	50%	1,83	1	1,83			-	1,83
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03, trừ thai sản T7+8/2022 và thai sản tháng 11+12/2023	Gây mê hồi sức	2,72	2,72	-		-	50%	1,36	100%	2,72	50%	2,03	4	8,11	6	4	21,95	30,06
78	Nguyễn Thị Phương Lan		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 9 tháng	Gây mê hồi sức	2,46	2,46	-		-	50%	1,23	100%	2,46	50%	1,83	9	16,49			-	16,49
	Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Gây mê hồi sức	2,72	2,72	-		-	50%	1,36	100%	2,72	50%	2,03	3	6,08	6	6	26,85	32,93
79	Vũ Bách Khoa		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 9/2022; trừ 03 tháng đi học T1-T3/2022 = 6 tháng	Gây mê hồi sức	2,46	2,46	-		-	50%	1,23	100%	2,46	50%	1,83	6	11,00			-	11,00

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Gây mê hồi sức	2,72	2,72	-		-	50%	1,36	100%	2,72	50%	2,03	3	6,08	6	6	26,85	32,93
80	Nguyễn Thị Ngọc		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 9 tháng	Gây mê hồi sức	2,46	2,46	-		-	50%	1,23	100%	2,46	50%	1,83	9	16,49			-	16,49
	Tháng 10/2022 đến tháng 12/2023 = 15 tháng hưởng lương theo TT03	Gây mê hồi sức	2,72	2,72	-		-	50%	1,36	100%	2,72	50%	2,03	3	6,08	6	6	26,85	32,93
81	Phùng Đăng Khoa		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 11/2023 = 23 tháng	Hồi sức cấp cứu	6,26	5,76	0,50	0,50	-	60%	3,76	100%	6,26	40%	3,73	12	44,77	6	5	44,92	89,69
	Từ tháng 12/2023 nâng lương	Hồi sức cấp cứu	6,60	6,10	0,50	0,50	-	60%	3,96	100%	6,60	40%	3,93		-		1	4,75	4,75
82	Nguyễn Tiến Bình		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến 15/9/2022 = 8.5 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,33	3,33	-		-	60%	2,00	100%	3,33	40%	1,98	8,5	16,87			-	16,87
	Từ 15/9/2022 đến tháng 12/2023 tăng phụ cấp chức vụ = 15.5 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,73	3,33	0,40	0,40	-	60%	2,24	100%	3,73	40%	2,22	3,5	7,78	6	6	29,45	37,23
83	Trương Cộng Hòa từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023 = 24 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,67	2,67	-		-	60%	1,60	100%	2,67	40%	1,59	12	19,10	6	6	21,08	40,18
84	Đào Thanh Tâm		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tuyển dụng từ tháng 03/2023 = 10 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,34	2,34	-		-	60%	1,40	100%	2,34	40%	1,39	-	-	4	5	14,00	14,00
	Chuyển khoa GMHS từ tháng 12/2023	GMHS	2,34	2,34	-		-	50%	1,17	100%	2,34	50%	1,74	-	-		1	2,11	2,11
85	Phùng Tiến Thanh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Hồi sức cấp cứu	1,86	1,86	-		-	60%	1,12	100%	1,86	40%	1,11	6	6,65			-	6,65
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03	Hồi sức cấp cứu	2,10	2,10	-		-	60%	1,26	100%	2,10	40%	1,25	6	7,51	6	6	16,58	24,09

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
86	Trần Thị Trọng Bình	Hồi sức cấp cứu	3,66	3,66	-		-	60%	2,20	100%	3,66	40%	2,18	12	26,18	6	6	28,90	55,08
87	Hoàng Thị Thìn	Hồi sức cấp cứu	3,33	3,33	-		-	60%	2,00	100%	3,33	40%	1,98	12	23,82	6	6	26,29	50,11
88	Tô Thị Kim Thoa		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,86	2,86	-		-	60%	1,72	100%	2,86	40%	1,70	6	10,23			-	10,23
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,03	3,03	-		-	60%	1,82	100%	3,03	40%	1,81	6	10,84	6	6	23,92	34,76
89	Nguyễn Công Chiến		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 5 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,66	2,66	-		-	60%	1,60	100%	2,66	40%	1,59	5	7,93			-	7,93
	Tháng 06/2022 nâng lương = 01 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,86	2,86	-		-	60%	1,72	100%	2,86	40%	1,70	1	1,70			-	1,70
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,03	3,03	-		-	60%	1,82	100%	3,03	40%	1,81	6	10,84	6	6	23,92	34,76
90	Lê Thị Phúc		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng tháng 01/2022; nghỉ thai sản từ tháng 02/2022 đến tháng 07/2022 = 1 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,32	3,32	-		-	60%	1,99	100%	3,32	40%	1,98	1	1,98			-	1,98
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 17 tháng (nghỉ TS tháng 7/2022)	Hồi sức cấp cứu	3,34	3,34	-		-	60%	2,00	100%	3,34	40%	1,99	5	9,95	6	6	26,37	36,33
91	Phùng Thị Bích Hạnh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,46	2,46	-		-	60%	1,48	100%	2,46	40%	1,47	8	11,73			-	11,73
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,72	2,72	-		-	60%	1,63	100%	2,72	40%	1,62	4	6,48	6	6	21,48	27,96
92	Đỗ Thị Mai Hương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2023 = 15 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,67	2,67	-		-	60%	1,60	100%	2,67	40%	1,59	12	19,10	3		4,77	23,87

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Tháng 04/2023 nâng lương = 9 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,00	3,00	-		-	60%	1,80	100%	3,00	40%	1,79		-	3	6	18,32	18,32
93	Chu Thị Thêm		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,46	2,46	-		-	60%	1,48	100%	2,46	40%	1,47	8	11,73			-	11,73
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,72	2,72	-		-	60%	1,63	100%	2,72	40%	1,62	4	6,48	6	6	21,48	27,96
94	Trần Thiên Tuấn		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 9 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,46	2,46	-		-	60%	1,48	100%	2,46	40%	1,47	9	13,20			-	13,20
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo tT03 = 15 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,72	2,72	-		-	60%	1,63	100%	2,72	40%	1,62	3	4,86	6	6	21,48	26,34
95	Đoàn Thị Thu		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,46	2,46	-		-	60%	1,48	100%	2,46	40%	1,47	8	11,73			-	11,73
	Từ tháng 09/2022 đến tháng 01/2023 hưởng lương theo TT03 = 5 tháng	Hồi sức cấp cứu	2,72	2,72	-		-	60%	1,63	100%	2,72	40%	1,62	4	6,48	1		1,62	8,11
	Từ tháng 02/2023 thăng hạng viên chức= 11 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,00	3,00	-		-	60%	1,80	100%	3,00	40%	1,79		-	5	6	21,90	21,90
96	Đỗ Văn Khương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 7 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,33	3,33	-		-	60%	2,00	100%	3,33	40%	1,98	7	13,89			-	13,89
	Từ tháng 08/2022 nâng lương = 17 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,66	3,66	-		-	60%	2,20	100%	3,66	40%	2,18	5	10,91	6	6	28,90	39,81
97	Nguyễn Thị Hằng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2022	Hồi sức cấp cứu	1,86	1,86	-		-	60%	1,12	100%	1,86	40%	1,11	6	6,65			-	6,65

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 12 tháng (trừ thai sản T8+9+10+11+12/2022)	Hồi sức cấp cứu	2,10	2,10	-		-	60%	1,26	100%	2,10	40%	1,25		-	6	6	16,58	16,58
98	Nguyễn Thị Nhung		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,33	3,33	-		-	60%	2,00	100%	3,33	40%	1,98	12	23,82	6		11,91	35,72
	Tháng 07/2023	Hồi sức cấp cứu	3,33	3,33	-		-	60%	2,00	100%	3,33	40%	1,98		-		1	2,40	2,40
	Tháng 08/2023 nâng lương = 5 tháng	Hồi sức cấp cứu	3,66	3,66	-		-	60%	2,20	100%	3,66	40%	2,18		-		5	13,18	13,18
99	Nguyễn Xuân Thưởng = 24 tháng	Khám bệnh	4,90	4,40	0,50	0,50	-	40%	1,96	100%	4,90	60%	4,38	12	52,57	6	6	58,04	110,60
100	Nguyễn Anh Tuấn		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022 = 4 tháng	Khám bệnh	3,73	3,33	0,40	0,40	-	40%	1,49	100%	3,73	60%	3,33	4	13,34			-	13,34
	Tháng 05/2022 nâng lương đến tháng 01/2023 = 9 tháng	Khám bệnh	4,06	3,66	0,40	0,40	-	40%	1,62	100%	4,06	60%	3,63	8	29,04	1		3,63	32,67
	Tháng 02/2023 thăng hạng viên chức = 11 tháng	Khám bệnh	4,80	4,40	0,40	0,40	-	40%	1,92	100%	4,80	60%	4,29		-	5	6	52,56	52,56
101	Nguyễn Thị Việt Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2023 = 21 tháng	Khám bệnh	4,06	3,66	0,40	0,40	-	40%	1,62	100%	4,06	60%	3,63	12	43,56	6	3	34,93	78,49
	Tháng 10/2023 nâng lương = 03 tháng	Khám bệnh	4,39	3,99	0,40	0,40	-	40%	1,76	100%	4,39	60%	3,92		-		3	14,22	14,22
102	Đinh Mạnh Thắng	Khám bệnh	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	4	29,05	61,24
	Chuyển khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	Hồi sức cấp cứu	3,00	3,00	-		-	60%	1,80	100%	3,00	40%	1,79		-		2	4,32	4,32
103	Nguyễn Cần Chung	Khám bệnh	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	6	35,53	67,72
104	Lê Hữu Sỹ		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 11/2022 = 11 tháng	Khám bệnh	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	11	26,26			-	26,26
	Tháng 12/2022 nâng lương = 13 tháng	Khám bệnh	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	1	2,68	6	4	29,05	31,73
	Chuyển khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	Hồi sức cấp cứu	3,00	3,00	-		-	60%	1,80	100%	3,00	40%	1,79		-		2	4,32	4,32
105	Nguyễn Đức Đa		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng tháng 01+2+3/2022 và tháng 11+12/2023 (trừ các tháng còn lại do đi học)	Khám bệnh	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	3	7,16			-	7,16
	Nâng lương tháng 12/2022	Khám bệnh	-		-		-		-		-		-		-			-	-
	Chuyển khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	Hồi sức cấp cứu	3,00	3,00	-		-	60%	1,80	100%	3,00	40%	1,79		-		2	4,32	4,32
106	Vũ Thị Ngọc Ánh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tập sự tháng 01+2+3/2022 = 03 tháng	Khám bệnh	1,99	1,99	-		-	40%	0,80	100%	1,99	60%	1,78	3	5,33			-	5,33
	Hết thời gian tập sự từ tháng 04/2022 = 21 tháng - Nghỉ việc từ tháng 10/2023	Khám bệnh	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	9	18,83	6	3	20,13	38,96
107	Hoàng Thị Hằng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Nghỉ thai sản tháng 1+2+3/2022	Khám bệnh	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56		-			-	-
	Tháng 04/2022 đến tháng 6/2022 = 03 tháng	Khám bệnh	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	3	8,21			-	8,21
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03	Khám bệnh	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	4	32,34	50,26
	Chuyển khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	Hồi sức cấp cứu	3,34	3,34	-		-	60%	2,00	100%	3,34	40%	1,99		-		2	4,81	4,81
108	Ngô Thị Thanh Huyền		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Khám bệnh	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	6	14,27			-	14,27
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 9/2023 = 15 tháng hưởng lương theo TT03	Khám bệnh	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	5	29,28	43,87
	Tháng 12/2023 nâng lương = 01 tháng	Khám bệnh	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71		-		1	3,27	3,27
109	Nguyễn Thị Quyên		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Khám bệnh	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Khám bệnh	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	4	32,34	50,26
	Chuyển khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	HSCC	3,34	3,34	-		-	60%	2,00	100%	3,34	40%	1,99		-		2	4,81	4,81
110	Chu Thọ Nhân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Nghỉ thai sản tháng 1+2/2022; hưởng tháng 3+4/2022	Khám bệnh	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	2	4,40			-	4,40
	Tháng 05/2022 đến tháng 6/2022 nâng lương = 02 tháng	Khám bệnh	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	2	4,76			-	4,76
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03= 18 tháng	Khám bệnh	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	4	26,34	40,93
	Chuyển khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	HSCC	2,72	2,72	-		-	60%	1,63	100%	2,72	40%	1,62		-		2	3,92	3,92
111	Nguyễn Thị Lan		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022; trừ thai sản tháng 01/2022 = 07 tháng	Khám bệnh	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	7	15,39			-	15,39
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Khám bệnh	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
112	Phùng Thị Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 05 tháng	Khám bệnh	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	5	11,00			-	11,00
	Tháng 06/2022 = 01 tháng	Khám bệnh	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	1	2,38			-	2,38
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Khám bệnh	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	6	32,22	46,81
113	Nguyễn Thị Thanh Hảo		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Khám bệnh	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	6	13,20			-	13,20
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03; trừ thai sản tháng 10+11+12/2022 và tháng 1+2+3/2023 = 12 tháng	Khám bệnh	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	3	7,30	3	4	19,05	26,34
	Chuyển khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	HSCC	2,72	2,72	-		-	60%	1,63	100%	2,72	40%	1,62		-		2	3,92	3,92
114	Lăng Thế Hùng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 05 tháng	Khám bệnh	2,26	2,26	-		-	40%	0,90	100%	2,26	60%	2,02	5	10,10			-	10,10
	Tháng 06/2022 = 01 tháng	Khám bệnh	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	1	2,20			-	2,20
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Khám bệnh	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	6	32,22	46,81
115	Lê Thị Hạnh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 03 tháng	Khám bệnh	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	3	7,67			-	7,67
	Tháng 04/2022 đến tháng 6/2022 nâng lương = 03 tháng	Khám bệnh	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	3	8,21			-	8,21
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03; trừ thai sản từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2022	Khám bệnh	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99		-	6	6	39,56	39,56

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
116	Đỗ Thị Tám		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 10/2022 = 10 tháng	Khám bệnh	4,43	4,06	0,37		0,37	40%	1,77	100%	4,43	60%	3,96	10	39,56			-	39,56
	Tháng 11/2022 đến tháng 10/2023 = 12 tháng nâng PCTNVK	Khám bệnh	4,47	4,06	0,41		0,41	40%	1,79	100%	4,47	60%	3,99	2	7,99	6	4	43,25	51,23
	Tháng 11/2023 nâng PCTNVK = 02 tháng	Khám bệnh	4,51	4,06	0,45		0,45	40%	1,80	100%	4,51	60%	4,03		-		2	9,73	9,73
117	Nguyễn Thị Hiếu		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Khám bệnh	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Khám bệnh	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
118	Lê Ngân Hà		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Khám bệnh	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Khám bệnh	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
119	Trần Thị Tuyết Trang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng tháng 01+2/2022 = 02 tháng	Khám bệnh	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	2	4,40			-	4,40
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03; trừ thai sản từ tháng 03/2022 đến tháng 08/2022 = 16 tháng	Khám bệnh	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
120	Tạ Thị Ngọc Ánh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Khám bệnh	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	6	9,98			-	9,98
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Khám bệnh	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	4	20,34	31,60

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tăng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	HSCC	2,10	2,10	-		-	60%	1,26	100%	2,10	40%	1,25		-		2	3,02	3,02
121	Chu Thị Mai		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Khám bệnh	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	6	9,98			-	9,98
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Khám bệnh	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	6	24,87	36,14
122	Dương Thị Lan Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Khám bệnh	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	6	9,98			-	9,98
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Khám bệnh	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	6	24,87	36,14
123	Lê Văn Đạo		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Trừ đi học tháng 4+5+7+9+10+11+12/2022 và tháng 1+2+3+4+5+6+7/2023	KSNK	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	5	13,41		3	9,72	23,13
	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	HSCC	3,00	3,00	-		-	60%	1,80	100%	3,00	40%	1,79		-		2	4,32	4,32
124	Phùng Thị Thiết		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	KSNK	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 đến tháng 11/2023 = 17 tháng	KSNK	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	5	35,95	53,87
	Tháng 12/2023 nâng lương = 01 tháng	KSNK	3,65	3,65	-		-	40%	1,46	100%	3,65	60%	3,26		-		1	3,94	3,94
125	Trần Thị Huế		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	KSNK	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	KSNK	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
126	Chu Thanh Bình		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Trừ đi học tháng 2+3+8+9+10+11+12/2022 và tháng 1+3+4+5/2023 = 13 tháng	Ngoại TH	4,90	4,40	0,50	0,50	-	40%	1,96	100%	4,90	60%	4,38	6	26,28	1	6	36,13	62,42
127	Nông Thị Xuân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 10/2022 = 10 tháng	Ngoại TH	3,73	3,33	0,40	0,40	-	40%	1,49	100%	3,73	60%	3,33	10	33,35			-	33,35
	Tháng 11/2022 nâng lương = 14 tháng	Ngoại TH	4,06	3,66	0,40	0,40	-	40%	1,62	100%	4,06	60%	3,63	2	7,26	6	6	48,09	55,35
128	Lê Ngọc Sắc		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 06 tháng	Ngoại TH	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6		16,09	48,28
	Tháng 7+8/2023 = 02 tháng	Ngoại TH	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68		-		2	6,48	6,48
	Tháng 09/2023 nâng lương = 4 tháng	Ngoại TH	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-		4	14,39	14,39
129	Phạm Hùng Thắng	Ngoại TH	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	6	35,53	67,72
130	Trần Thị Yến		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 03 tháng	Ngoại TH	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	3	8,93			-	8,93
	Tháng 04/2022 nâng lương = 21 tháng	Ngoại TH	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27	9	29,45	6	6	43,35	72,80
131	Lê Minh Thuần		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 05 tháng	Ngoại TH	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	5	10,46			-	10,46

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Tháng 06/2022 nâng lương = 19 tháng	Ngoại TH	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	7	16,71	6	6	31,62	48,33
132	Trần Xuân Điệp		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 05 tháng	Ngoại TH	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	5	10,46			-	10,46
	Tháng 06/2022 nâng lương = 19 tháng	Ngoại TH	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	7	16,71	6	6	31,62	48,33
133	Nguyễn Bá Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 6 tháng	Ngoại TH	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	12	25,10	6		12,55	37,66
	Tháng 07/2023 nâng lương = 18 tháng	Ngoại TH	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39		-		6	17,30	17,30
134	Nguyễn Thế Quân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 6 tháng	Ngoại TH	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	12	25,10	6		12,55	37,66
	Tháng 07/2023 nâng lương = 18 tháng	Ngoại TH	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39		-		6	17,30	17,30
135	Nguyễn Thị Hương Nhài		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 9 tháng	Ngoại TH	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	9	23,01			-	23,01
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo tT03 = 15 tháng	Ngoại TH	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	3	8,96	6	6	39,56	48,52
136	Đặng Thu Hoài		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến 15/9/2022 = 8.5 tháng	Ngoại TH	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	8,5	25,30			-	25,30
	Tưt 15/9/2022 tăng phụ cấp chức vụ = 15.5 tháng	Ngoại TH	3,73	3,33	0,40	0,40	-	40%	1,49	100%	3,73	60%	3,33	3,5	11,67	6	6	44,18	55,85

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
137	Phạm Thị Phương Mai		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Ngoại TH	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Ngoại TH	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
138	Nguyễn Đình Thi		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Ngoại TH	3,46	3,46	-		-	40%	1,38	100%	3,46	60%	3,09	6	18,56			-	18,56
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Ngoại TH	3,65	3,65	-		-	40%	1,46	100%	3,65	60%	3,26	6	19,58	6	6	43,23	62,81
139	Vũ Thị Thắm		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Ngoại TH	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Ngoại TH	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
140	Trương Văn Đức		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Ngoại TH	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Ngoại TH	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	4	32,34	50,26
	Chuyển khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	HSCC	3,34	3,34	-		-	60%	2,00	100%	3,34	40%	1,99		-		2	4,81	4,81
141	Phùng Thị Phương Hiền		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 03 tháng	Ngoại TH	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	3	7,67			-	7,67
	Tháng 04/2022 đến tháng 06/2022 nâng lương = 03 tháng	Ngoại TH	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	3	8,21			-	8,21

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Ngoại TH	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
142	Trần Thị Hồng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Nghỉ không lương tháng 1+2+3+12/2022;, nghỉ thai sản 06 tháng = 02 tháng	Ngoại TH	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	2	5,11			-	5,11
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03; trừ do nghỉ ốm tháng 03/2023 = 11 tháng	Ngoại TH	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71		-	5	6	33,18	33,18
143	Nguyễn Thị Toàn		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2023 = 13 tháng	Ngoại TH	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	12	35,72	1		2,98	38,70
	Tháng 02/2023 nâng lương = 11 tháng	Ngoại TH	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-	5	6	40,08	40,08
144	Phùng Kim Dung		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Ngoại TH	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	8	21,46			-	21,46
	Tháng 09/2022 nâng lương = 16 tháng	Ngoại TH	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	4	11,91	6	6	39,44	51,35
145	Phùng Thị Hồng Thanh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 8 tháng	Ngoại TH	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	8	17,59			-	17,59
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03= 16 tháng	Ngoại TH	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
146	Phùng Thị Thúy		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Ngoại TH	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03; nghỉ thai sản từ T7/2022 đến tháng 12/2022 = 12 tháng	Ngoại TH	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99		-	6	6	39,56	39,56
147	Trần Thị Ngọc Vân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Ngoại TH	2,26	2,26	-		-	40%	0,90	100%	2,26	60%	2,02	6	12,12			-	12,12
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Ngoại TH	2,41	2,41	-		-	40%	0,96	100%	2,41	60%	2,15	6	12,93	6	6	28,54	41,47
148	Bùi Kim Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Ngoại TH	2,26	2,26	-		-	40%	0,90	100%	2,26	60%	2,02	6	12,12			-	12,12
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Ngoại TH	2,41	2,41	-		-	40%	0,96	100%	2,41	60%	2,15	6	12,93	6	6	28,54	41,47
149	Phùng Thị Thu Hương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Nhi	3,83	3,33	0,50	0,50	-	50%	1,92	100%	3,83	50%	2,85	12	34,24	6		17,12	51,36
	Tháng 09/2023 = 01 tháng	Nhi	3,83	3,33	0,50	0,50	-	50%	1,92	100%	3,83	50%	2,85		-		2	6,89	6,89
	Tháng 09/2023 đến tháng 12/2023 nâng lương	Nhi	4,16	3,66	0,50	0,50	-	50%	2,08	100%	4,16	50%	3,10		-		4	14,98	14,98
150	Hoàng Thị Lan Hương	Nhi	4,65	4,65	-		-	50%	2,33	100%	4,65	50%	3,46	12	41,57	6	6	45,90	87,47
151	Nguyễn Huyền Trang	Nhi	3,00	3,00	-		-	50%	1,50	100%	3,00	50%	2,24	12	26,82	6	6	29,61	56,43
152	Phạm Kim Ngân; Nghỉ TS= T7+8+9+10+11+12/2023	Nhi	3,00	3,00	-		-	50%	1,50	100%	3,00	50%	2,24	12	26,82	6		13,41	40,23
153	Trần Thị Phú		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022 = 03 tháng	Nhi	2,67	2,67	-		-	50%	1,34	100%	2,67	50%	1,99	3	5,97			-	5,97
	Từ tháng 4/2022 đến 12/2023 nâng lương (Trừ đi học tháng 10+11+12/2022 và tháng 1+2+3+4+5+6+7+9+10+11+12/2023)	Nhi	3,00	3,00	-		-	50%	1,50	100%	3,00	50%	2,24	6	13,41		1	2,70	16,11
154	Vũ Thị Hạnh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 (Trừ đi học tháng 1+2+3+4+5/2022)	Nhi	2,34	2,34	-		-	50%	1,17	100%	2,34	50%	1,74		-			-	-
	Từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2023, nâng lương tháng 06/2022; Nghỉ TS= T7+8+9+10+11+12/2023	Nhi	2,67	2,67	-		-	50%	1,34	100%	2,67	50%	1,99	7	13,92	6		11,93	25,86
155	Phạm Thu Trang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Nhi	2,34	2,34	-		-	50%	1,17	100%	2,34	50%	1,74	12	20,92	6		10,46	31,38
	Từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 = 6 tháng nâng lương	Nhi	2,67	2,67	-		-	50%	1,34	100%	2,67	50%	1,99		-		6	14,42	14,42
156	Lê Thị Hồng Sinh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ thaáng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Nhi	3,26	3,26	-		-	50%	1,63	100%	3,26	50%	2,43	6	14,57			-	14,57
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Nhi	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	6	14,93	6	6	32,97	47,90
157	Đỗ Thị Thanh Huyền		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Nhi	3,26	3,26	-		-	50%	1,63	100%	3,26	50%	2,43	6	14,57			-	14,57
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Nhi	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	6	14,93	6	6	32,97	47,90
158	Nguyễn Thị Thủy		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nhi	3,26	3,26	-		-	50%	1,63	100%	3,26	50%	2,43	6	14,57			-	14,57
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Nhi	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	6	14,93	6	6	32,97	47,90
159	Nguyễn Thị Thùy Linh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 6 tháng	Nhi	3,06	3,06	-		-	50%	1,53	100%	3,06	50%	2,28	6	13,68			-	13,68
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 18 tháng hưởng lương theo TT03	Nhi	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	6	14,93	6	6	32,97	47,90
160	Quách Thị Huyền My		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 07tháng	Nhi	2,86	2,86	-		-	50%	1,43	100%	2,86	50%	2,13	7	14,91			-	14,91
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 = 17 tháng hưởng lương theo TT03	Nhi	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	5	12,44	6	6	32,97	45,41
161	Phùng Thị Minh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nhi	3,06	3,06	-		-	50%	1,53	100%	3,06	50%	2,28	6	13,68			-	13,68
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 01/2023 hưởng lương theo TT03 = 7 tháng	Nhi	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	6	14,93	1		2,49	17,42
	Từ tháng 02/2023 thăng hạng viên chức = 11 tháng	Nhi	3,66	3,66	-		-	50%	1,83	100%	3,66	50%	2,73		-	5	6	33,40	33,40
162	Đỗ Thị Minh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022; trừ thai sản tháng 1+2/2022 = 6 tháng	Nhi	2,46	2,46	-		-	50%	1,23	100%	2,46	50%	1,83	6	11,00			-	11,00
	Từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Nhi	2,72	2,72	-		-	50%	1,36	100%	2,72	50%	2,03	4	8,11	6	6	26,85	34,95
163	Đào Thị Thu Trang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022 = 04 tháng	Nhi	3,06	3,06	-		-	50%	1,53	100%	3,06	50%	2,28	4	9,12			-	9,12
	Tháng 05/2022 đến tháng 06/2022 nâng lương = 02 tháng	Nhi	3,26	3,26	-		-	50%	1,63	100%	3,26	50%	2,43	2	4,86			-	4,86
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Nhi	3,34	3,34	-		-	50%	1,67	100%	3,34	50%	2,49	6	14,93	6	6	32,97	47,90
164	Trần Thị Hiền		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 03 tháng	Nhi	2,66	2,66	-		-	50%	1,33	100%	2,66	50%	1,98	3	5,95			-	5,95
	Từ tháng 4 đến tháng 6/2022 = 03 tháng	Nhi	2,86	2,86	-		-	50%	1,43	100%	2,86	50%	2,13	3	6,39			-	6,39
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03, nghỉ thai sản tháng 11+12/2023	Nhi	3,03	3,03	-		-	50%	1,52	100%	3,03	50%	2,26	6	13,54	6	4	24,45	38,00
165	Nguyễn Phương Thanh Thủy		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 7 tháng	Nhi	2,26	2,26	-		-	50%	1,13	100%	2,26	50%	1,68	7	11,79			-	11,79
	Từ tháng 08/2022 hưởng lương theo TT03 = 17 tháng	Nhi	2,72	2,72	-		-	50%	1,36	100%	2,72	50%	2,03	5	10,13	6	6	26,85	36,98
166	Nguyễn Thu Hà		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nhi	2,06	2,06	-		-	50%	1,03	100%	2,06	50%	1,53	6	9,21			-	9,21
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Nhi	2,41	2,41	-		-	50%	1,21	100%	2,41	50%	1,80	6	10,77	6	6	23,79	34,56
167	Đỗ Thị Nhi		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nhi	1,86	1,86	-		-	50%	0,93	100%	1,86	50%	1,39	6	8,31			-	8,31
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng Nghỉ TS = 05 tháng (T8+9+10+11+12/2023)	Nhi	2,10	2,10	-		-	50%	1,05	100%	2,10	50%	1,56	6	9,39	6	1	11,28	20,66

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
168	Phan Thị Luyến	Nội tổng hợp	5,15	4,65	0,50	0,50	-	40%	2,06	100%	5,15	60%	4,60	12	55,25	6	6	61,00	116,25
169	Lê Hải Yến (trừ đi học tháng T12/2023)	Nội tổng hợp	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	5	32,29	64,48
170	Đinh Thị Mai Yến		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2022 (trừ đi học từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2022	Nội tổng hợp	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39		-			-	-
	Nâng lương tháng 08/2022, trừ đi học tháng 8+9/2022	Nội tổng hợp	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	3	8,05	6	6	35,53	43,58
171	Nguyễn Thị Tuyết Vân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Thai sản tháng 1+2+3+4/2022; chuyển công tác từ tháng 02/2023 = 9 tháng	Nội tổng hợp	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	8	16,74	1		2,09	18,83
172	Chu Thị Ngọc Diệp		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tuyển dụng từ tháng 03/2023; nghỉ thai sản từ tháng 02/2023 đến tháng 07/2023 = 5 tháng	Nội tổng hợp	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09		-		5	12,64	12,64
173	Đỗ Thị Thanh Dung		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nội tổng hợp	3,63	3,63	-		-	40%	1,45	100%	3,63	60%	3,25	6	19,47			-	19,47
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 2/2023 hưởng lương theo TT03 = 7 tháng	Nội tổng hợp	3,65	3,65	-		-	40%	1,46	100%	3,65	60%	3,26	6	19,58	1		3,26	22,84
	Tháng 02/2023 đến tháng 12/2023 thăng hạng viên chức	Nội tổng hợp	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-	5	6	40,08	40,08
174	Hoàng Mạnh Trung		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Trừ đi học từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 03 tháng	Nội tổng hợp	2,34	2,34	-		-	60%	1,40	100%	2,34	40%	1,39	3	4,18			-	4,18
	Chuyển từ khoa Truyền nhiễm sang khoa Nội tổng hợp từ tháng 09/2022	Nội tổng hợp	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	4	8,37	6		12,55	20,92

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Nâng lương tháng 07/2023 = 6 tháng	Nội tổng hợp	2,67	2,67	-		-	60%	1,60	100%	2,67	40%	1,59		-		6	11,53	11,53
175	Phạm Thị Huế		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nội tổng hợp	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2023 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Nội tổng hợp	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
176	Phùng Thị Bích Ân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nội tổng hợp	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Nội tổng hợp	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
177	Phạm Thị Trang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nội tổng hợp	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Nội tổng hợp	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
178	Lê Thị Hồng Chung		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nội tổng hợp	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Nội tổng hợp	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
179	Ngô Thị Hường		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 9 tháng	Nội tổng hợp	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	9	19,79			-	19,79
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Nội tổng hợp	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	3	7,30	6	6	32,22	39,51

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
180	Lê Thị Oánh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nội tổng hợp	3,32	3,32	-		-	40%	1,33	100%	3,32	60%	2,97	6	17,81			-	17,81
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Nội tổng hợp	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
181	Lê Thị Thanh An		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Nghỉ thai sản tháng 2+3+4+5+6+7/2022 = 03 tháng	Nội tổng hợp	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	3	6,60			-	6,60
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Nội tổng hợp	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	3	7,30	6	6	32,22	39,51
182	Chu Thị Tuyết Doan		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nội tổng hợp	3,32	3,32	-		-	40%	1,33	100%	3,32	60%	2,97	6	17,81			-	17,81
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Nội tổng hợp	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
183	Lê Thị Thùy Dương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Nội tổng hợp	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	6	13,20			-	13,20
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Nội tổng hợp	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	6	32,22	46,81
184	Nguyễn Thị Kim Ngân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2023 = 18 tháng	Nội tổng hợp	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	12	28,64	6		14,32	42,97
	Tháng 8+9/2023 = 02 tháng	Nội tổng hợp	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39		-		2	5,77	5,77
	Từ tháng 10/2023 đến T12/2023 nâng lương = 03 tháng	Nội tổng hợp	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68		-		4	12,96	12,96

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
185	Ngô Hồng Quảng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2023 = 16 tháng	Phụ sản	5,24	4,74	0,50	0,50	-	40%	2,10	100%	5,24	60%	4,68	12	56,21	1		4,68	60,90
	Từ tháng 02/2023 nâng lương = 8 tháng	Phụ sản	5,58	5,08	0,50	0,50	-	40%	2,23	100%	5,58	60%	4,99		-	5	6	61,10	61,10
186	Nguyễn Thị Nhâm		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 10/2022 = 10 tháng	Phụ sản	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27	10	32,72			-	32,72
	Tháng 11/2022 nâng lương = 14 tháng	Phụ sản	3,99	3,99	-		-	40%	1,60	100%	3,99	60%	3,57	2	7,13	6	6	47,26	54,39
187	Trần Hùng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Nghỉ không lương tháng 12/2022; Nghỉ việc từ tháng 01/2023 = 11 tháng	Phụ sản	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	11	29,50			-	29,50
188	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022; trừ đi học tháng 4+5+6/2022; Nghỉ thai sản từ tháng 07/2022 đến tháng 12/2022 = 03 tháng	Phụ sản	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	3	7,16			-	7,16
	Tháng 09/2022 nâng lương = 12 tháng	Phụ sản	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68		-	6	6	35,53	35,53
189	Đào Thị Mai Hương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2023 = 17 tháng	Phụ sản	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	12	28,64	5		11,93	40,58
	Tháng 06/2023 nâng lương = 7 tháng - trừ đi học tháng 12/2023	Phụ sản	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68		-	1	5	18,88	18,88
190	Nguyễn Thị Thu Hương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 7 tháng	Phụ sản	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	7	14,64			-	14,64
	Trừ đi học tháng 12/2022 và tháng 1+3+4+5+6+7+9+10+11+12/2023; nâng lương tháng 08/2022 = 11 tháng	Phụ sản	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	4	9,55	1	1	5,27	14,82
191	Nguyễn Hoàng Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tuyển dụng từ tháng 03/2023 = 10 tháng	Phụ sản	2,34	2,34	-			40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09		-	4	6	23,53	23,53
192	Phạm Thị Thanh Xuân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phụ sản	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 =	Phụ sản	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
193	Trần Thị Thanh Hà		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ thaáng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 03 tháng	Phụ sản	4,47	4,06	0,41		0,41	40%	1,79	100%	4,47	60%	3,99	3	11,98			-	11,98
	Từ tháng 04/2022 đến tháng 3/2023 = 12 tháng nâng PCTNVK	Phụ sản	4,51	4,06	0,45		0,45	40%	1,80	100%	4,51	60%	4,03	9	36,26	3		12,09	48,35
	Từ tháng 4/2023 = 9 tháng nâng PCTNVK	Phụ sản	4,55	4,06	0,49		0,49	40%	1,82	100%	4,55	60%	4,07		-	3	6	41,66	41,66
194	Nguyễn Thị Hồng Phương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phụ sản	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Phụ sản	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
195	Nguyễn Thị Việt Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phụ sản	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Phụ sản	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
196	Nguyễn Thị Hiền		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 7 tháng	Phụ sản	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	7	17,90			-	17,90
	Từ tháng 08/2022 hưởng lương theo TT03 = 17 tháng	Phụ sản	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	5	14,93	6	6	39,56	54,49
197	Nguyễn Thị Hồng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phụ sản	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Phụ sản	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
198	Trần Thị Bích Lệ		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phụ sản	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Phụ sản	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
199	Nguyễn Thị Thu		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phụ sản	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Phụ sản	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
200	Đặng Thị Quyết		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phụ sản	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Phụ sản	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
201	Đỗ Thị Thoa		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Phụ sản	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	8	17,59			-	17,59
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Phụ sản	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
202	Đỗ Thị Yến		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Phụ sản	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	8	17,59			-	17,59
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Phụ sản	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
203	Phạm Hồng Tạo		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phụ sản	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	6	13,20			-	13,20
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Phụ sản	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	6	32,22	46,81
204	Nguyễn Thị Phương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Nghỉ thai sản tháng 9+10+11+12/2022 = 8 tháng	Phụ sản	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	8	17,59			-	17,59
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03, trừ thai sản tháng 1+2/2023 = 10 tháng	Phụ sản	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43		-	4	6	27,35	27,35
205	Phan Thị Thu Hương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Phụ sản	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	8	17,59			-	17,59
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Phụ sản	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
206	Phạm Thị Lan		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Phụ sản	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	8	17,59			-	17,59
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Phụ sản	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
207	Nguyễn Thị Kim Ngân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Phụ sản	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	8	13,30			-	13,30
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Phụ sản	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	4	7,51	6	6	24,87	32,38
208	Khổng Thị Cẩm Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phụ sản	2,06	2,06	-		-	40%	0,82	100%	2,06	60%	1,84	6	11,05			-	11,05
	Tháng 07/2022 đến tháng 8/2023 hưởng lương theo TT03 = 14 tháng	Phụ sản	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	2	15,80	27,06
	Từ tháng 09/2023 nâng lương = 4 tháng	Phụ sản	2,41	2,41	-		-	40%	0,96	100%	2,41	60%	2,15		-		4	10,41	10,41
209	Nguyễn Thị Thanh Huyền		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2022 = 02 tháng	Phụ sản	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	2	3,33			-	3,33
	Từ tháng 03/2022 đến tháng 6/2022= 4 tháng nâng lương	Phụ sản	2,06	2,06	-		-	40%	0,82	100%	2,06	60%	1,84	4	7,37			-	7,37
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Phụ sản	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	6	24,87	36,14
210	Phạm Hoàng Sơn	Truyền nhiễm	4,90	4,40	0,50	0,50	-	70%	3,43	100%	4,90	30%	2,19	12	26,28	6	6	29,02	55,30
211	Nguyễn Thị Thuý Hà		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 làm việc tại khoa truyền nhiễm = 8 tháng	Truyền nhiễm	3,00	3,00	-		-	60%	1,80	100%	3,00	40%	1,79	8	14,30			-	14,30

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 09/2022 làm việc 50% khoa truyền nhiễm, 50% tại khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Truyền nhiễm	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	2	5,36	3	3	17,77	23,13
	Từ thaáng 09/2022 làm việc 50% khoa truyền nhiễm, 50% tại khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Truyền nhiễm	3,00	3,00	-		-	60%	1,80	100%	3,00	40%	1,79	2	3,58	3	3	11,84	15,42
212	Nguyễn Thị Hòa		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022đến tháng 05/2022 = 4 tháng	Truyền nhiễm	3,40	3,00	0,40	0,40	-	70%	2,38	100%	3,40	30%	1,52	4	6,08			-	6,08
	Từ tháng 05/2022 nâng lương = 20 tháng	Truyền nhiễm	3,73	3,33	0,40	0,40	-	70%	2,61	100%	3,73	30%	1,67	8	13,34	6	6	22,09	35,43
213	Phùng Công Trang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Trừ do đi học từ tháng 01/2022 đến tháng 8/2023	Truyền nhiễm	2,67	2,67	-		-	70%	1,87	100%	2,67	30%	1,19		-			-	-
	Từ tháng 6/2023 nâng lương = 6 tháng	Truyền nhiễm	3,00	3,00	-		-	70%	2,10	100%	3,00	30%	1,34		-		4	6,48	6,48
214	Nguyễn Mạnh Cường		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Truyền nhiễm	2,34	2,34	-		-	60%	1,40	100%	2,34	40%	1,39	12	16,74	6		8,37	25,10
	Từ tháng 07/2023 nâng lương	Truyền nhiễm	2,67	2,67	-		-	60%	1,60	100%	2,67	40%	1,59		-		6	11,53	11,53
215	Nguyễn Thị Thanh Thư		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022= 06 tháng	Truyền nhiễm	3,06	3,06	-		-	60%	1,84	100%	3,06	40%	1,82	6	10,94			-	10,94
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Truyền nhiễm	3,34	3,34	-		-	60%	2,00	100%	3,34	40%	1,99	6	11,94	6	6	26,37	38,32
216	Nguyễn Thị Hợp		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1.49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ thaáng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Truyền nhiễm	3,33	3,33	-		-	60%	2,00	100%	3,33	40%	1,98	12	23,82	6		11,91	35,72
	Tháng 07/2023	Truyền nhiễm	3,33	3,33	-		-	60%	2,00	100%	3,33	40%	1,98		-		1	2,40	2,40
	Từ tháng 8/2023 nâng lương = 5 tháng	Truyền nhiễm	3,66	3,66	-		-	60%	2,20	100%	3,66	40%	2,18		-		5	13,18	13,18
217	Nguyễn Thị Thanh Hoa		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022 = 05 tháng	Truyền nhiễm	3,06	3,06	-		-	60%	1,84	100%	3,06	40%	1,82	5	9,12			-	9,12
	Từ tháng 06/2022 đến tháng 7/2022 nâng lương = 01 tháng	Truyền nhiễm	3,26	3,26	-		-	60%	1,96	100%	3,26	40%	1,94	1	1,94			-	1,94
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Truyền nhiễm	3,34	3,34	-		-	60%	2,00	100%	3,34	40%	1,99	6	11,94	6	6	26,37	38,32
218	Nguyễn Thị Phương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 9 tháng	Truyền nhiễm	3,06	3,06	-		-	60%	1,84	100%	3,06	40%	1,82	9	16,41			-	16,41
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Truyền nhiễm	3,34	3,34	-		-	60%	2,00	100%	3,34	40%	1,99	3	5,97	6	6	26,37	32,34
219	Nguyễn Thị Duyên		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng từ tháng 01/2022 đến tháng 05/2022; Nghỉ thai sản từ tháng 06/2022 đến tháng 11/2022 = 5 tháng	Truyền nhiễm	3,06	3,06	-		-	60%	1,84	100%	3,06	40%	1,82	5	9,12			-	9,12
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 13 tháng	Truyền nhiễm	3,34	3,34	-		-	60%	2,00	100%	3,34	40%	1,99	1	1,99	6	6	26,37	28,36
220	Đinh Thị Hà		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ thaáng 01/2022 đến 15/9/2022 = 8.5 tháng	Truyền nhiễm	3,33	3,33	-		-	70%	2,33	100%	3,33	30%	1,49	8,5	12,65			-	12,65
	Tăng phụ cấp chức vụ từ 15/9/2022 = 15.5 tháng	Truyền nhiễm	3,73	3,33	0,40	0,40	-	70%	2,61	100%	3,73	30%	1,67	3,5	5,84	6	6	22,09	27,92

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
221	Phạm Thị Huyền		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022 = 04 tháng	Truyền nhiễm	3,26	3,26	-		-	60%	1,96	100%	3,26	40%	1,94	4	7,77			-	7,77
	Từ tháng 05/2022 đến tháng 06/2022 = 02 tháng nâng lương	Truyền nhiễm	3,46	3,46	-		-	60%	2,08	100%	3,46	40%	2,06	2	4,12			-	4,12
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Truyền nhiễm	3,65	3,65	-		-	60%	2,19	100%	3,65	40%	2,18	6	13,05	6	6	28,82	41,87
222	Nguyễn Thị Bằng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Truyền nhiễm	2,86	2,86	-		-	60%	1,72	100%	2,86	40%	1,70	6	10,23			-	10,23
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Truyền nhiễm	3,03	3,03	-		-	60%	1,82	100%	3,03	40%	1,81	6	10,84	6	6	23,92	34,76
223	Phan Thị Thơm		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Truyền nhiễm	2,46	2,46	-		-	60%	1,48	100%	2,46	40%	1,47	8	11,73			-	11,73
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Truyền nhiễm	2,72	2,72	-		-	60%	1,63	100%	2,72	40%	1,62	4	6,48	6	6	21,48	27,96
224	Nguyễn Thị Vui		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tứ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 03 tháng	Truyền nhiễm	2,26	2,26	-		-	60%	1,36	100%	2,26	40%	1,35	3	4,04			-	4,04
	Từ tháng 4/2022 đến tháng 06/2022 = 03 tháng nâng lương	Truyền nhiễm	2,46	2,46	-		-	60%	1,48	100%	2,46	40%	1,47	3	4,40			-	4,40
	Từ thaáng 07/2022 hưởng lương theo TT03	Truyền nhiễm	2,72	2,72	-		-	60%	1,63	100%	2,72	40%	1,62	6	9,73	6	6	21,48	31,20
225	Nguyễn Thị Tân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2022 = 02 tháng	Truyền nhiễm	3,26	3,26	-		-	70%	2,28	100%	3,26	30%	1,46	2	2,91			-	2,91

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 03/2022 đến tháng 6/2022= 4 tháng nâng lương	Truyền nhiễm	3,46	3,46	-		-	70%	2,42	100%	3,46	30%	1,55	4	6,19			-	6,19
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Truyền nhiễm	3,65	3,65	-		-	70%	2,56	100%	3,65	30%	1,63	6	9,79	6	6	21,62	31,40
226	Nguyễn Việt Hà		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2023 = 16 tháng	Xét nghiệm	4,82	4,32	0,50	0,50	-	40%	1,93	100%	4,82	60%	4,31	12	51,71	4		17,24	68,95
	Từ tháng 05/2023 nâng lương = 8 tháng	Xét nghiệm	5,15	4,65	0,50	0,50	-	40%	2,06	100%	5,15	60%	4,60		-	2	6	42,58	42,58
227	Lưu Thị Tìu An		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ thaáng 01/2022 đến 14/7/2022= 7.5 tháng	Xét nghiệm	4,72	4,32	0,40	0,40	-	70%	3,30	100%	4,72	30%	2,11	7,5	15,82			-	15,82
	Tạm đình chỉ PCCV từ 14/7/2022 = 14.5 tháng	Xét nghiệm	4,32	4,32	-		-	70%	3,02	100%	4,32	30%	1,93	4,5	8,69	6	6	25,58	34,27
			-		-				-		-	0%	-		-			-	-
228	Nguyễn Đức Toàn		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2023 = 14 tháng	Xét nghiệm	3,00	3,00	-		-	70%	2,10	100%	3,00	30%	1,34	12	16,09	2		2,68	18,77
	Từ tháng 03/2023 nâng lương = 10 tháng	Xét nghiệm	3,33	3,33	-		-	70%	2,33	100%	3,33	30%	1,49		-	4	6	16,74	16,74
229	Đỗ Thị Mai Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2023 = 16 tháng	Xét nghiệm	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	12	32,83	4		10,94	43,77
	Từ tháng 05/2023 đến tháng 06/2023	Xét nghiệm	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91		-	2		5,83	5,83
	Tháng 07/2023 hưởng lương theo TT03	Xét nghiệm	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99		-		6	21,64	21,64

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
230	Đinh Thị Tươi		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 07 tháng	Xét nghiệm	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	7	17,90			-	17,90
	Từ tháng 08/2022 hưởng lương theo TT03; nghỉ thai sản từ tháng 9/2022 đến tháng 02/2023 = 11 tháng	Xét nghiệm	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	1	2,99	4	6	33,59	36,57
231	Khổng Thị Ngọc Bích		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Xét nghiệm	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 01/2023 hưởng lương theo TT03 = 7 tháng	Xét nghiệm	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	1		2,99	20,90
	Tháng 02/2023 thăng hạng viên chức = 11 tháng	Xét nghiệm	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-	5	6	40,08	40,08
232	Phan Ngọc Nương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 09 tháng	Xét nghiệm	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	9	21,40			-	21,40
	Từ tháng 10/2022 đến tháng 01/2023 hưởng lương theo TT03 = 4 tháng	Xét nghiệm	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	3	8,13	1		2,71	10,84
	Tháng 02/2023 thăng hạng viên chức = 11 tháng	Xét nghiệm	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-	5	6	36,46	36,46
233	Lê Thị Hồng Thái		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 09 tháng	Xét nghiệm	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	9	21,40			-	21,40
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Xét nghiệm	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	3	8,13	6	6	35,89	44,01
234	Phạm Thị Nga		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Xét nghiệm	2,70	2,70	-		-	40%	1,08	100%	2,70	60%	2,41	8	19,31			-	19,31

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Xét nghiệm	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	4	10,84	6	6	35,89	46,72
235	Đào Thị Hồng Khánh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng tháng 01/2022 = 01 tháng	Xét nghiệm	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	1	2,91			-	2,91
	Từ tháng 02/2022 đến tháng 01/2023 nâng lương = 12 tháng	Xét nghiệm	3,46	3,46	-		-	40%	1,38	100%	3,46	60%	3,09	11	34,03	1		3,09	37,12
	Tháng 02/2023 thăng hạng viên chức	Xét nghiệm	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-	5	6	40,08	40,08
236	Phùng Thanh Sơn		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Xét nghiệm	2,46	2,46	-		-	70%	1,72	100%	2,46	30%	1,10	8	8,80			-	8,80
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Xét nghiệm	2,72	2,72	-		-	70%	1,90	100%	2,72	30%	1,22	4	4,86	6	6	16,11	20,97
237	Nguyễn Công Ngọ		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Xét nghiệm	2,66	2,66	-		-	70%	1,86	100%	2,66	30%	1,19	6	7,13			-	7,13
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Xét nghiệm	2,72	2,72	-		-	70%	1,90	100%	2,72	30%	1,22	6	7,30	6	6	16,11	23,40
238	Nguyễn Thị Hạnh	Xét nghiệm	3,00	3,00	-		-	70%	2,10	100%	3,00	30%	1,34	12	16,09	6	6	17,77	33,86
239	Nguyễn Thị Kim Oanh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 09 tháng	Xét nghiệm	2,26	2,26	-		-	60%	1,36	100%	2,26	40%	1,35	9	12,12			-	12,12
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03, nghỉ TS = T7+8+9+10+11+12+12/2023	Xét nghiệm	2,72	2,72	-		-	60%	1,63	100%	2,72	40%	1,62	3	4,86	6		9,73	14,59
240	Lương Thị Thu		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Nghỉ thai sản tháng 12/2021 và tháng 1+2+3+4+5/2022 = 01 tháng	Xét nghiệm	2,26	2,26	-		-	40%	0,90	100%	2,26	60%	2,02	1	2,02			-	2,02
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Xét nghiệm	2,41	2,41	-		-	40%	0,96	100%	2,41	60%	2,15	6	12,93	6	6	28,54	41,47
241	Chu Ngọc Linh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 09 tháng	Xét nghiệm	2,06	2,06	-		-	40%	0,82	100%	2,06	60%	1,84	9	16,57			-	16,57
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Xét nghiệm	2,41	2,41	-		-	40%	0,96	100%	2,41	60%	2,15	3	6,46	6	6	28,54	35,01
242	Nguyễn Thị Thúy	Xét nghiệm	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	12	25,10	6	6	27,71	52,82
243	Lê Thị Thúy Nga		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Xét nghiệm	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	6	9,98			-	9,98
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03, Nghỉ ốm T10- TS T11/12/203	Xét nghiệm	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	3	18,07	29,33
244	Nguyễn Văn Đông		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Xét nghiệm	2,06	2,06	-		-	40%	0,82	100%	2,06	60%	1,84	6	11,05			-	11,05
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Xét nghiệm	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	6	24,87	36,14
245	Bùi Hồng Thảo		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Xét nghiệm	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	6	9,98			-	9,98
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03; Nghỉ thai sản T10+11+12/2023	Xét nghiệm	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	3	18,07	29,33
246	Nguyễn Ngọc Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011 /NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Xét nghiệm	1,86	1,86	-		-	40%	0,74	100%	1,86	60%	1,66	6	9,98			-	9,98
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Xét nghiệm	2,10	2,10	-		-	40%	0,84	100%	2,10	60%	1,88	6	11,26	6	6	24,87	36,14
247	Phan Lương Quý		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022 = 12 tháng	Đông y	5,83	4,98	0,85	0,50	0,35	40%	2,33	100%	5,83	60%	5,21	12	62,53			-	62,53
	Tháng 01/2023 nângPCTNVK = 12 tháng	Đông y	5,88	4,98	0,90	0,50	0,40	40%	2,35	100%	5,88	60%	5,26		-	6	6	69,62	69,62
248	Nguyễn Văn Thắng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Đông y	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6		16,09	48,28
	Từ tháng 7 đến tháng 8/2023 = 02 tháng	Đông y	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68		-		2	6,48	6,48
	Tháng 09/2023 nâng lương = 4 tháng	Đông y	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-		4	14,39	14,39
249	Nguyễn Danh Điệp		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 09 tháng	Đông y	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	8	21,46			-	21,46
	Tháng 09/2022 nâng lương và phụ cấp chức vụ = 16 tháng	Đông y	3,73	3,33	0,40	0,40	-	40%	1,49	100%	3,73	60%	3,33	4	13,34	6	6	44,18	57,52
250	Nguyễn Thị Yên	Đông y	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	6	35,53	67,72
251	Phương Văn Thịnh	Đông y	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	6	35,53	67,72
252	Phùng Thanh Yên		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 07 tháng	Đông y	3,46	3,46	-		-	40%	1,38	100%	3,46	60%	3,09	7	21,65			-	21,65

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 08/2022 hưởng lương theo TT03 = 17 tháng	Đông y	3,96	3,96	-		-	40%	1,58	100%	3,96	60%	3,54	5	17,70	6	6	46,90	64,60
253	Nguyễn Văn Nhuần		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Đông y	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Đông y	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
254	Nguyễn Thị Hằng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Đông y	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 - nghỉ ốm, không lương tháng 10+11+12/2023	Đông y	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	3	26,07	42,32
255	Phùng Thị Hải Lý		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Đông y	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Đông y	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
256	Phương Thu Hương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ thaáng 01/2022 đến tháng 01/2023 = 13 tháng	Đông y	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	12	34,97	1		2,91	37,89
	Từ tháng 02/2023 thăng hạng viên chức = 11 tháng	Đông y	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-	5	6	36,46	36,46
257	Đỗ Công Cường		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2023 = 13 tháng	Đông y	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	12	32,83	1		2,74	35,56
	Tháng 02/2023 thăng hạng viên chức = 11 tháng	Đông y	3,33	3,33	-			40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-	5	6	36,46	36,46

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
258	Phạm Việt Hùng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 09 tháng	Đông y	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	9	21,40			-	21,40
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Đông y	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	3	8,13	6	6	35,89	44,01
259	Đinh Hoàn Hảo		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Đông y	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Đông y	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
260	Phùng Thị Thịnh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 09 tháng	Đông y	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	9	19,79			-	19,79
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Đông y	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	3	7,30	6	6	32,22	39,51
261	Phan Anh Tuấn		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Đông y	2,26	2,26	-		-	40%	0,90	100%	2,26	60%	2,02	6	12,12			-	12,12
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 11/2023 hưởng lương theo TT03 = 17 tháng	Đông y	2,41	2,41	-		-	40%	0,96	100%	2,41	60%	2,15	6	12,93	6	5	25,94	38,87
	Tháng 12/2023 nâng lương = 01 tháng	Đông y	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43		-		1	2,94	2,94
262	Nguyễn Thị Hồng Nhung		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Đông y	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	12	35,72	6		17,86	53,59
	Tháng 07/2023= 01 tháng	Đông y	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-		1	3,60	3,60

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 08/2023 nâng lương = 05 tháng	Đông y	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-		5	19,76	19,76
263	Phùng Mạnh Hùng	Đông y	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	12	35,72	6	6	39,44	75,16
264	Phan Kim Long		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tuyển dụng từ tháng 03/2023 = 10 tháng	Đông y	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09		-	4	6	23,53	23,53
265	Phùng Thị Thanh Hằng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tuyển dụng từ tháng 03/2023, tập sự	Đông y	1,99	1,99	-			40%	0,80	100%	1,99	60%	1,78		-	4	6	20,00	20,00
266	Nguyễn Danh Cảnh	Thận NT	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	6	35,53	67,72
267	Nguyễn Thị Vân Anh trừ đi học T1+3+4/2022	Thận NT	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	9	24,14	6	6	35,53	59,67
268	Tạ Phương Anh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Thận NT	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Thận NT	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	6	35,89	52,14
269	Nguyễn Thị Lan		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Thận NT	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	12	35,72	6		17,86	53,59
	Tháng 07/2023 = 01 tháng	Thận NT	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-		1	3,60	3,60
	Từ tháng 8/2023 nâng lương = 5 tháng	Thận NT	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-		5	19,76	19,76
270	Phùng Quang Huy		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011 /NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Thận NT	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	8	17,59			-	17,59
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Thận NT	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	4	9,73	6	6	32,22	41,94
271	Lê Tiến Thành		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 07/2022 = 07 tháng	Thận NT	3,06	3,06	-		-	40%	1,22	100%	3,06	60%	2,74	6	16,41			-	16,41
	Từ tháng 08/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Thận NT	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
272	Phùng Thị Tính	Thận NT	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6	6	35,53	67,72
273	Phùng Thị Hằng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022; nghỉ thai sản từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022 = 06 tháng	Thận NT	2,70	2,70	-		-	40%	1,08	100%	2,70	60%	2,41	6	14,48			-	14,48
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 12 tháng	Thận NT	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71		-	6	6	35,89	35,89
274	Phùng Văn Thể		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 09/2022 = 09 tháng	Thận NT	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	9	21,40			-	21,40
	Từ tháng 10/2022 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Thận NT	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	3	8,13	6	6	35,89	44,01
275	Nguyễn Đức Hải		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ thaáng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Thận NT	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	12	35,72	6		17,86	53,59
	Từ tháng 7/2023 đến tháng 8/2023 = 02 tháng	Thận NT	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-		2	7,19	7,19
	Từ tháng 9/2023 nâng lương = 4 tháng	Thận NT	3,66	3,66	-		-	40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-		4	15,81	15,81

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011 /NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
276	Phùng Thị Khánh Linh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022 = 08 tháng	Thận NT	2,70	2,70	-		-	40%	1,08	100%	2,70	60%	2,41	8	19,31			-	19,31
	Từ tháng 09/2022 hưởng lương theo TT03 = 16 tháng	Thận NT	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	4	10,84	6	6	35,89	46,72
277	Nguyễn Thị Thanh Vân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Thận NT	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	Thận NT	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	6	39,56	57,47
278	Hoàng Thị Ngân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tháng 01/2022 tập sự (hưởng tháng 01/2022)	Phòng ĐD	2,27	2,27	-		-	40%	0,91	100%	2,27	60%	2,03	1	2,03			-	2,03
	Hưởng từ tháng 02/2022 đến tháng 03/2022 = 02 tháng	Phòng ĐD	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	2	4,77			-	4,77
	Từ tháng 08/2022 chuyển về phòng VT TBYT = 17 tháng	Phòng VTTBYT	2,67	2,67	-		-	40%	1,07	100%	2,67	60%	2,39	5	11,93	6	6	31,62	43,56
279	Chu Vũ Nam		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến 14/07/2022 = 7.5 tháng	Phòng VTTBYT	3,83	3,33	0,50	0,50	-	40%	1,53	100%	3,83	60%	3,42	7,5	25,68			-	25,68
	Tạm đình chỉ phụ cấp chức vụ từ 14/07/2022 = 16.5 tháng	Phòng VTTBYT	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	4,5	13,40	6	6	39,44	52,84
280	Lê Mạnh Tín		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Tháng 01/2022 = 01 tháng	Phòng VTTBYT	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	1	2,91			-	2,91
	Từ tháng 02/2022 đến tháng 6/2022 nâng lương = 05 tháng	Phòng VTTBYT	3,46	3,46	-		-	40%	1,38	100%	3,46	60%	3,09	5	15,47			-	15,47

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 1/2023 hưởng lương theo TT03 = 7 tháng	Phòng VTTBYT	3,65	3,65	-		-	40%	1,46	100%	3,65	60%	3,26	6	19,58	1		3,26	22,84
	Từ tháng 02/2023 thăng hạng viên chức = 11 tháng	Phòng VTTBYT	3,66	3,66	-			40%	1,46	100%	3,66	60%	3,27		-	5	6	40,08	40,08
281	Nguyễn Thị Thùy Trang		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Hưởng từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022; Nghỉ thai sản từ tháng 05/2022 đến tháng 10/2022 = 4 tháng	Phòng VTTBYT	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	4	10,23			-	10,23
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 14 tháng, trừ thai sản 4 tháng	Phòng VTTBYT	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	2	5,42	6	6	35,89	41,30
282	Nguyễn Thị Thanh Tâm		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phòng VTTBYT	2,86	2,86	-		-	40%	1,14	100%	2,86	60%	2,56	6	15,34			-	15,34
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 11/2023 = 17 tháng hưởng lương theo TT03	Phòng VTTBYT	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	5	32,61	48,87
	Tháng 12/2023 nâng lương = 01 tháng	Phòng VTTBYT	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99		-		1	3,61	3,61
283	Mai Thị Hà	PKA	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98	12	35,72	6	6	39,44	75,16
284	Ngô Thị Vân		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	PKA	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	12	32,18	6		16,09	48,28
	Hưởng tháng 7+8/2023 = 02 tháng	PKA	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68		-		2	6,48	6,48
	Từ tháng 09/2023 nâng lương = 4 tháng	PKA	3,33	3,33	-		-	40%	1,33	100%	3,33	60%	2,98		-		4	14,39	14,39
285	Nguyễn Thị Thuý Phương		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	PKA	3,26	3,26	-		-	40%	1,30	100%	3,26	60%	2,91	6	17,49			-	17,49
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	PKA	3,34	3,34	-		-	40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99	6	17,92	6	4	32,34	50,26
	Chuyển khoa Hồi sức cấp cứu từ tháng 11/2023	HSCC	3,34	3,34	-		-	60%	2,00	100%	3,34	40%	1,99		-		2	4,81	4,81
286	Nguyễn Thị Hường		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2022 = 04 tháng	PKA	2,46	2,46	-		-	40%	0,98	100%	2,46	60%	2,20	4	8,80			-	8,80
	Từ tháng 05/2022 đến tháng 6/2022 nâng lương = 2 tháng	PKA	2,66	2,66	-		-	40%	1,06	100%	2,66	60%	2,38	2	4,76			-	4,76
	Từ tháng 07/2022 hưởng lương theo TT03 = 18 tháng	PKA	2,72	2,72	-		-	40%	1,09	100%	2,72	60%	2,43	6	14,59	6	6	32,22	46,81
II	**Danh sách cán bộ kiêm nhiệm chuyên môn đủ điều kiện hưởng ưu đãi nghề theo Nghị định 05**		**51,72**	**47,52**	**4,20**	**4,20**	-	**770%**	**35,92**	**19,00**	**88,33**	**11,30**	**78,08**	**79,00**	**341,89**	**33,00**	**33,00**	**333,78**	**675,67**
1	Phạm Bá Hiển	BGĐ	5,54	4,74	0,80	0,80		40%	2,22	100%	5,54	60%	4,95		-	1	6	40,85	40,85
2	Hoàng Ngọc Minh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022 = 12 tháng	Ban GĐ	6,56	5,76	0,80	0,80		40%	2,62	100%	6,56	60%	5,86	12	70,38			-	70,38
	Từ tháng 1/2023 đến tháng 5/2023 nâng lương = 05 tháng	Ban GĐ	6,90	6,10	0,80	0,80		40%	2,76	100%	6,90	60%	6,17		-	5		30,84	30,84
3	Lê Thanh Hải		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 11/2022 = 11 tháng	Ban GĐ	6,36	5,76	0,60	0,60		40%	2,54	100%	6,36	60%	5,69	11	62,54			-	62,54
	Từ tháng 12/2022 đến tháng 9/2023 nâng lương = 10 tháng	Ban GĐ	6,70	6,10	0,60	0,60		40%	2,68	100%	6,70	60%	5,99	1	5,99	6	3	57,65	63,64

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1.49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
4	Đỗ Mạnh Hùng		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2023 = 18 tháng	Ban GĐ	5,68	5,08	0,60	0,60		40%	2,27	100%	5,68	60%	5,08	12	60,94	6		30,47	91,40
	Từ tháng 07/2023 nâng lương = 6 tháng	Ban GĐ	6,02	5,42	0,60	0,60		40%	2,41	100%	6,02	60%	5,38		-		4	26,01	26,01
	Trưởng khoa Gây mê hồ sức từ tháng 11/2023	GMHS	5,92	5,42	0,50	0,50		50%	2,96	100%	5,92	50%	4,41		-		2	10,66	10,66
5	Nguyễn Ngọc Vinh		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ đi học tháng 9+10+11+12/2022 và tháng 1+3+4/2023, hưởng 17 tháng (QĐ không kiêm nhiệm khoa GMHS từ tháng 10/2023)	Phòng KHTH	4,90	4,40	0,50	0,50	-	40%	1,96	100%	4,90	60%	4,38	8	35,04	3	6	44,89	79,94
6	Phùng Quang Mạnh		-		-				-		-		-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 01/2023 = 13 tháng	Phòng KHTH	4,06	3,66	0,40	0,40	-	40%	1,62	100%	4,06	60%	3,63	12	43,56	1		3,63	47,19
	Từ tháng 02/2023 thăng hạng viên chức = 11 tháng -	Phòng KHTH	4,80	4,40	0,40	0,40		40%	1,92	100%	4,80	60%	4,29		-	5	6	52,56	52,56
7	Nguyễn Thị Thanh Hòa		-		-				-		-	0%	-		-			-	-
	Từ tháng 01/2022 đến tháng 06/2022 = 06 tháng	Phòng ĐD	3,01	3,01	-		-	40%	1,20	100%	3,01	60%	2,69	6	16,15			-	16,15
	Từ tháng 07/2022 đến tháng 9/2023 hưởng lương theo TT03 = 15 tháng	Phòng ĐD	3,03	3,03	-		-	40%	1,21	100%	3,03	60%	2,71	6	16,25	6	5	32,61	48,87
	Từ tháng 12/2023 nâng lương		3,34	3,34	-			40%	1,34	100%	3,34	60%	2,99		-		1	3,61	3,61
8	Phùng Thị Thu Hằng (Hưởng từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022) = 03 tháng	Phòng KHTH	3,00	3,00	-		-	40%	1,20	100%	3,00	60%	2,68	3	8,05			-	8,05
9	Trần Hồng Thủy (Hưởng từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 = 03 tháng	Phòng KHTH	2,70	2,70	-		-	40%	1,08	100%	2,70	60%	2,41	3	7,24			-	7,24
10	Nguyễn Phương Trung (Hưởng từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2022 = 02 tháng	Phòng ĐD	5,48	4,98	0,50	0,50	-	40%	2,19	100%	5,48	60%	4,90	2	9,80			-	9,80
11	Trần Thị Hồng Khuyên		-		-				-		-	0%	-		-			-	-

Số TT	Họ và tên	Tên khoa, phòng, đơn vị công tác	Tổng hệ số	Bao gồm				Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 56	Mức phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 05/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo NĐ 05	Chênh lệch phụ cấp ưu đãi	Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng (mức lương 1,49 trđ)	Số tháng hưởng năm 2022	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022	Số tháng hưởng 6 tháng đầu năm 2023	Số tháng hưởng 6 tháng cuối năm 2023	Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023	Tổng cộng
				Hệ số lương ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó													
						Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung												
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	9	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu	10	cột 4* tỷ lệ phụ cấp ưu đãi	11=10-9	12=4*11*1,49		13=12*12T			14=12*6T+12*1.8/1.49*6	
	Tập sự tháng 01/2022 (hưởng tháng 01/2022)	Phòng ĐD	1,99	1,99	-		-	40%	0,80	100%	1,99	60%	1,78	1	1,78			-	1,78
	Hưởng từ tháng 02/2022 đến tháng 03/2022	Phòng ĐD	2,34	2,34	-		-	40%	0,94	100%	2,34	60%	2,09	2	4,18			-	4,18
297	**Tổng cộng (I+II)**		**964,63**	**946,57**	**18,06**	**15,39**	**2,67**		**861,56**		**1.935,29**		**1.600**	**3.224**	**8.321,12**	**1.659**	**1.656**	**9.761,30**	**18.082,42**